

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN DẦU TIẾNG  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2022/DS-ST  
Ngày: 28-9-2022  
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự  
vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Xuân Nam.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Thông

2. Ông Trương Hữu Bình

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Tuyết - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 208/2022/TLST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2022/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đỗ Thị Đ, sinh năm 1987; hộ khẩu thường trú: Ấp D, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương.

- *Bị đơn:* Bà Phạm Thị N, sinh năm 1962; hộ khẩu thường trú: Ấp C, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Phạm Thị Hồng V, sinh năm 1967; hộ khẩu thường trú: Ấp C, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn bà Đ, bị đơn bà N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà V có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***- Theo đơn khởi kiện ngày 17/3/2022, đơn khởi kiện bổ sung ngày 22/7/2022, quá trình tố tụng giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn (bà Đỗ Thị Đ) trình bày:***

Giữa bà Đ và bà Phạm Thị N và bà Phạm Thị Hồng V cùng hộ khẩu thường trú: Ấp C, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương có mối quan hệ quen biết nhau do người khác giới thiệu.

Ngày 10/11/2020, bà Đ có cho bà Phạm Thị N vay số tiền 210.000.000 đồng và 15.000.000 đồng không rõ thời gian. Tổng cộng là 225.000.000 đồng với mục đích làm ăn buôn bán, sau đó bà N đã thanh toán được 15.000.000 đồng tiền gốc. Đối với số tiền 210.000.000 đồng có nội dung vào ngày 10/11/2020, bà N có đến nhà bà Đ hỏi vay 210.000.000 đồng. Khi vay tiền thì bà Đ có đưa một tờ giấy A4 đã đánh máy ghi sẵn thông tin và yêu cầu bà N ghi nội dung số tiền vay vào tờ giấy này, sau đó bà N có nhờ một người cháu không rõ họ tên ghi số tiền vay là 210.000.000 đồng. Sau khi lập xong văn bản này thì được xem và đọc lại toàn bộ nội dung cho các bên nghe và tự nguyện đồng ý ký tên, lăn tay xác nhận thể hiện tại chứng cứ “Giấy mượn tiền”. Thời hạn vay là 02 tháng đến ngày 11/01/2021 là đến thời hạn trả nợ. Tuy nhiên đến thời hạn thanh toán phía bà N không thực hiện đúng cam kết nên bà Đ làm đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đ yêu cầu bà N thanh toán số tiền gốc đã vay 210.000.000 đồng và tiền lãi suất phát sinh từ ngày 12/01/2021 đến thời điểm xét xử vụ án.

Ngoài ra, nguyên đơn không có tranh chấp gì khác.

***- Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn (bà Phạm Thị N) trình bày:***

Giữa bà N và bà Đ chỉ là hàng xóm và không có mối quan hệ bà con gì.

Trước đây bà N có vay của bà Đ nhiều lần tổng số tiền là 225.000.000 đồng (hai trăm hai mươi lăm triệu đồng) với mục đích làm ăn buôn bán. Tổng số tiền bà N đã vay nhiều lần tổng cộng là 225.000.000 đồng không phải là 210.000.000 đồng và đã thanh toán cho bà Đ số tiền 100.000.000 đồng. Chứng cứ “Giấy mượn tiền” ngày 10/11/2020 là do bà Đỗ Thị Đ lập, còn chữ ký “N” và ghi họ tên “Phạm Thị N” là của bà N ký tên, lăn tay xác nhận. Trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị Đ thì bà N chỉ đồng ý thanh toán số tiền là 115.000.000 đồng, còn lại số tiền 95.000.000 thì không đồng ý.

Ngoài ra, bị đơn không có ý kiến gì khác.

***- Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bà Phạm Thị Hồng V) trình bày:***

Giữa bà Phạm Thị N và bà Phạm Thị Hồng V có mối quan hệ là chị em ruột.

Đối với số tiền 210.000.000 đồng tại chứng cứ “Giấy mượn tiền” ngày 10/11/2020, số tiền này là do trước đây bà V có vay của bà Đ nhưng đã thanh toán rồi nên trong “Giấy mượn tiền” ngày 10/11/2020 thì bà Phạm Thị N ký tên với tư cách là người làm chứng chứng kiến việc bà V đã thanh toán cho bà Đ số tiền 210.000.000 đồng. Chứng cứ mà bà N cung cấp cho Tòa án với nội dung “Ngày 15-10-2021 cô N 75 triệu ngày 15...Hương – ngày 22 tây” và “Cô N 75.000.000 15-5... Cô N 20.000.000 26-3” thể hiện đây là số tiền mà bà Phạm Thị N vay dùm của bà Đỗ Thị Đ cho những người tên N, Hương mượn. Nội dung ghi ngày tháng là để nhớ đến ngày thì những người này đóng tiền lời cho bà Đ. Đây là chữ viết của bà V và hoàn toàn không có liên quan gì đến số tiền 210.000.000 đồng mà bà Đ khởi kiện bà N tại Tòa án huyện Dầu Tiếng. Trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị Đ về việc yêu cầu bà N thanh toán số tiền 210.000.000 đồng, bà V có ý kiến cho rằng số tiền này bà V mượn của bà Đ đã thanh toán rồi.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng phát biểu tại phiên tòa:**

Quan hệ pháp luật của vụ kiện là “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng đầy đủ, tiến hành tố tụng đúng trình tự thủ tục. Về nội dung vụ án: Bà Đ yêu cầu bà N thanh toán số tiền nợ 210.000.000 đồng căn cứ vào chứng cứ “Giấy mượn tiền ngày 10/11/2020” và thời hạn thanh toán là ngày 11/01/2021. Tuy nhiên đến thời hạn trả nợ nhưng bên vay không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán là vi phạm các Điều 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung về việc thanh toán số tiền lãi phát sinh đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định mức lãi suất tại thời điểm xét xử là 10%/năm (tương ứng với 0,83%/tháng) và Điều 5; Điều 6 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đ về việc yêu cầu thanh toán số tiền vay 210.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Theo đơn khởi kiện ngày 17/3/2022, đơn khởi kiện bổ sung ngày 22/7/2022 nguyên đơn bà Đỗ Thị Đ khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Phạm Thị N thanh toán số tiền vay 210.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định. Căn

cứ quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, việc xác định tư cách tham gia tố tụng là phù hợp quy định của pháp luật.

[1.2] Quá trình tố tụng thể hiện, bị đơn bà Phạm Thị N hiện đang cư trú tại ấp Cây Liễu, xã Minh Thạnh, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Đ yêu cầu bà N thanh toán số tiền nợ 210.000.000 đồng theo “Giấy mượn tiền” ngày 10/11/2020, phía bị đơn bà N không đồng ý. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Căn cứ vào chứng cứ “Giấy mượn tiền” ngày 10/11/2020 thể hiện bà Đỗ Thị Đ có cho bà Phạm Thị N vay số tiền 210.000.000 đồng và thời hạn thanh toán là 02 tháng (tức là đến ngày 11/01/2021). Tuy nhiên trên thực tế thì bà Đ cho rằng ngày 10/11/2020, bà Đ có cho bà Phạm Thị N vay số tiền 210.000.000 đồng và 15.000.000 đồng không rõ thời gian. Tổng cộng là 225.000.000 đồng với mục đích làm ăn buôn bán, sau đó bà N đã thanh toán được 15.000.000 đồng tiền gốc. Đối với số tiền 210.000.000 đồng thì vào ngày 10/11/2020, bà N có đến nhà bà Đ hỏi vay 210.000.000 đồng. Khi vay tiền thì bà Đ có đưa một tờ giấy A4 đã đánh máy ghi sẵn thông tin và yêu cầu bà N ghi nội dung tên, địa chỉ của người vay, số tiền vay và thời hạn trả nợ vào tờ giấy này, sau đó bà N có nhờ một người cháu không rõ họ tên ghi số tiền vay là 210.000.000 đồng. Sau khi lập xong văn bản này thì được các bên đương sự xem và đọc lại toàn bộ nội dung, tự nguyện đồng ý ký tên, lăn tay xác nhận. Chứng cứ này được lập thành 01 bản và giao cho nguyên đơn cất giữ.

Trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù phía bị đơn bà Phạm Thị N thống nhất về tiền vay 225.000.000 đồng và đã thanh toán được cho bà Đ 100.000.000 đồng nhưng không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho việc trả nợ cho bà Đ số tiền 100.000.000 đồng. Tại phiên tòa bị đơn thay đổi lời khai cho rằng số tiền 210.000.000 đồng là bà N vay dùm cho em gái là bà Phạm Thị Hồng V, hoàn toàn không có liên quan gì đến bà N và hiện nay số tiền 210.000.000 đồng đã thanh toán hết cho bà Đ. Tuy nhiên tại biên bản lấy lời khai ngày 20/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng đối với bị đơn thì bà N thừa nhận đây là số tiền vay của bà Đ và hoàn toàn không có liên quan gì đến bà V đồng thời thừa nhận chữ ký “N” và ghi họ tên “Phạm Thị N” dưới mục “Người mượn tiền” là của bà N ký tên, lăn tay xác nhận. Quá trình tố tụng giải quyết vụ án thì bị đơn có cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án với nội dung thể hiện “Ngày 15-10-2021 cô N 75 triệu ngày 15...Hương – ngày 22 tây” và “Cô N 75.000.000 15-5... Cô N 20.000.000 26-3” nhưng đây là số tiền của những người tên N, Hương mượn của

ai đó không thể hiện họ tên, địa chỉ của người cho vay, đây là chữ viết của bà Đ và bà V, một phần chữ viết đã bị gạch bỏ nhưng hoàn toàn không có liên quan gì đến số tiền 210.000.000 đồng mà bà Đ khởi kiện bà N tại Tòa án huyện Dầu Tiếng. Tại phiên tòa phía nguyên đơn không thừa nhận đây là số tiền liên quan đến việc vay tiền 210.000.000 đồng ngày 10/11/2020 của bà Đ. Do đó, lời trình bày của bà N có sự mâu thuẫn nhau không phù hợp với tài liệu, chứng cứ được Tòa án thu thập trong quá trình giải quyết vụ án nên không có căn cứ pháp luật. Việc bà N không thanh toán số tiền 210.000.000 đồng cho bà Đ khi đến hạn thanh toán là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay quy định tại các Điều 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đ về việc buộc bị đơn thanh toán số tiền vay 210.000.000 đồng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét, ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Hồng V cho rằng: Đối với số tiền 210.000.000 đồng là do trước đây bà V có vay của bà Đ nhưng đã thanh toán rồi nên trong “Giấy mượn tiền” ngày 10/11/2020, bà Phạm Thị N ký tên với tư cách là người làm chứng chứng kiến việc bà V đã thanh toán cho bà Đ số tiền 210.000.000 đồng. Tuy nhiên ý kiến này không có phù hợp bởi lẽ trong “Giấy mượn tiền” ngày 10/11/2020 có nội dung người vay tiền là bà Phạm Thị N và ký họ, tên, lăn tay cũng là bà Phạm Thị N không phải là người làm chứng và cũng không có chữ ký của bà Phạm Thị Hồng V. Tại phiên tòa, bà V thay đổi ý kiến cho rằng trước đây bà V có làm đơn thưa bà Đ tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương về hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và cùng với số tiền 210.000.000 đồng liên quan đến bà Phạm Thị N, tuy nhiên tại phiên tòa nguyên đơn bổ sung chứng cứ cung cấp là “Biên bản thỏa thuận ngày 07/4/2022” thể hiện nội dung “...bà Đỗ Thị Kim Xinh, sinh năm 1982; hộ khẩu thường trú: phường Tân Định, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương và bà Phạm Thị Thu V là từ nay hai bên thỏa thuận là xóa hết nợ, bà Xinh chỉ lấy lại số tiền 650.000.000 đồng của bà V, đồng thời bà Xinh sẽ sang tên sổ đỏ lại cho bà V...”. Kết thúc biên bản thỏa thuận này thì bà Xinh, bà V ký tên và có người làm chứng là bà Lê Thị Ngọc Thúy và bà Đỗ Thị Đ ký tên xác nhận. Như vậy, đây là thỏa thuận giao dịch dân sự giữa bà Xinh và bà V, hoàn toàn không liên quan gì đến bà Đ đối với số tiền vay 210.000.000 đồng của bà Phạm Thị N. Do đó, ý kiến của bà V đưa ra là không có cơ sở chứng minh và không phù hợp với các tài liệu, cứ có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5] Xét, yêu cầu tính lãi suất phát sinh của nguyên đơn: Tại phiên tòa, phía nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền lãi đối với số tiền gốc 210.000.000 đồng, thời gian tính từ đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất do Nhà nước quy định. Hội đồng xét xử thấy rằng: Chứng cứ “Giấy mượn tiền ngày 10/11/2020” thời hạn thanh toán là ngày 11/01/2021. Mặc dù trong hợp đồng không thể hiện tiền lãi nhưng bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi xuất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự. Khi đến thời hạn trả nợ, phía bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ cam kết, xét nguyên nhân đây

là lỗi cố ý của bị đơn cố tình kéo dài thời gian thanh toán. Nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên cần xem xét đến mức lãi phát sinh đối với số tiền gốc 210.000.000 đồng tính từ ngày 12/01/2021 (là ngày bên vay vi phạm nghĩa vụ thanh toán) đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 28/9/2022 là 20 tháng 16 ngày. Căn cứ vào Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định mức lãi suất tại thời điểm xét xử là 10%/năm (tương ứng với 0,83%/tháng) và quy định tại Điều 5; Điều 6 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Do đó, tiền lãi suất xác định như sau:  $210.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 20 \text{ tháng} = 34.860.000 \text{ đồng}$  và  $210.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 16 \text{ ngày} = 929.600 \text{ đồng}$ . Tổng số tiền lãi suất là  $34.860.000 \text{ đồng} + 929.600 \text{ đồng} = 35.789.600 \text{ đồng}$ . Từ những phân tích nêu trên, tổng số tiền gốc và tiền lãi buộc bị đơn bà Phạm Thị N phải thanh toán cho nguyên đơn bà Đỗ Thị Đ là 245.789.600 đồng (hai trăm bốn mươi lăm triệu, bảy trăm tám mươi chín nghìn, sáu trăm đồng).

[6] Xét, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về phần thủ tục tố tụng và nội dung vụ án là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí:

Bị đơn phải chịu án phí do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận. Tuy nhiên do bà Phạm Thị N là người cao tuổi nên theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Phạm Thị N thuộc trường hợp được miễn án phí. Hoàn trả lại cho nguyên đơn bà Đỗ Thị Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.034.350 đồng theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào các Điều 4, 5, 26, 35, 39, 68, 147, 186, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 5; Điều 6 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Đ đối với bà Phạm Thị N về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”.

Buộc bà Phạm Thị N có nghĩa vụ thanh toán cho bà Đỗ Thị Đ số tiền 245.789.600 đồng (hai trăm bốn mươi lăm triệu, bảy trăm tám mươi chín nghìn, sáu trăm đồng).

Kể từ ngày bà Đỗ Thị Đ có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu bà Phạm Thị N chậm trả tiền thì còn phải trả thêm tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

## 2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Phạm Thị N được miễn nộp tiền án phí.

- Hoàn trả cho bà Đỗ Thị Đ số tiền 6.034.350 đồng (sáu triệu, không trăm ba mươi bốn nghìn, ba trăm năm mươi đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0007484 ngày 04/5/2022 và biên lai thu số AA/2021/0010774 ngày 25/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 28/9/2022).

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

### Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CCTHADS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Phan Xuân Nam**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- Chi cục THA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Xuân Nam**